

Hỗ trợ thị lực của bạn với chất lượng Nhật Bản

Kính áp tròng không màu

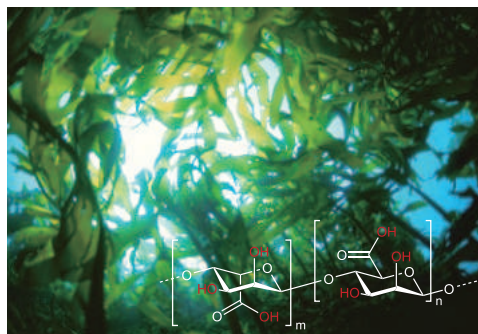
SEED Pure Series

Bí quyết “Giữ ẩm” độc quyền của SEED

■ Chất giữ ẩm tự nhiên Axit alginic:

"Axit alginic", thành phần mới được bổ sung trong dòng sản phẩm kính áp tròng SEED Pure series - Kính áp tròng không màu, là một chất giữ ẩm tự nhiên được chiết xuất từ rong biển wakame và tảo bẹ.

Sản phẩm có khả năng giữ ẩm cho mắt, giúp giữ nước trên bề mặt tròng kính. Polymer tự nhiên có tính chất ưa nước được pha chế trong dung dịch đóng gói kính áp tròng.



“Giữ ẩm”

Vật liệu Zwitterionic "SIB"

SIB là viết tắt của SEED Ionic Bond, là vật liệu đảm bảo tính tương thích sinh học. Mỗi cặp kính áp tròng SEED Pure series đều được làm từ vật liệu SIB nguyên bản.

Chất liệu này chứa cả ion dương và ion âm, do đó mang lại tính ổn định điện. Tính ổn định này giúp ngăn bụi bẩn và tạp chất xâm nhập, đồng thời đảm bảo độ ẩm cao.*



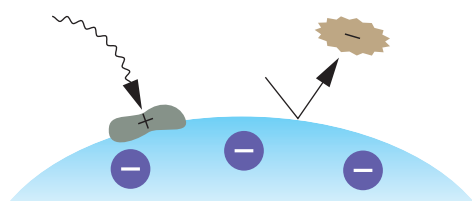
"SIB" là vật liệu Zwitterionic độc quyền của SEED.

Chất liệu này có ưu điểm của cả kính áp tròng không ion có độ ẩm thấp, rất ít bám cặn và ổn định với môi trường, và kính áp tròng có độ ẩm cao, cho phép oxy thấm thấu tốt.

■ Khả năng chống nhiễm bẩn cao

Mặc dù vật liệu Zwitterionic "SIB" là ion và có hàm lượng nước cao, nhưng có ưu điểm là ngăn chặn các protein gây ra sự hình thành cặn.

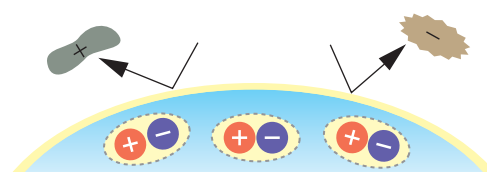
Hình ảnh thể hiện khả năng chống nhiễm bẩn



Mặt cắt của tròng kính

Kính áp tròng ion thông thường

Các ion âm trong vật liệu đẩy nhau mạnh, do đó bề mặt kính có điện tích âm. Điều này khiến tròng kính thu hút các cặn tích điện dương, chẳng hạn như protein.



Mặt cắt của tròng kính

Vật liệu Zwitterionic "SIB"

Chất liệu này có tính trung hòa điện do số lượng ion dương và ion âm bằng nhau. Do đó, không có sự lệch điện tích trên bề mặt kính áp tròng. Vì vậy, chất liệu này không hút các cặn mang điện tích dương như protein.

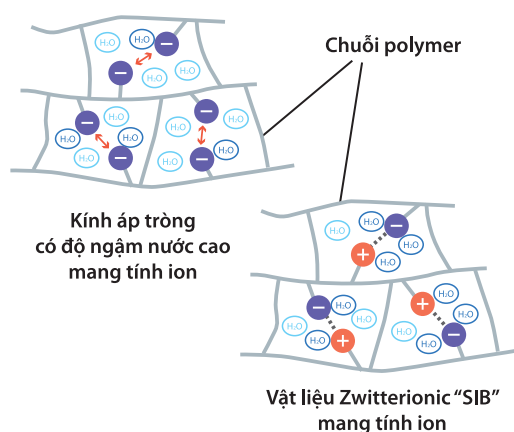
*Dữ liệu thử nghiệm nội bộ của SEED

■ Giữ ẩm

Độ ẩm trên kính áp tròng có hai loại: các phân tử nước tự do bay hơi và phân tử nước liên kết không bay hơi. Vật liệu Zwitterionic "SIB" có cả ion âm và ion dương, giúp giữ ẩm chặt hơn. Vì vậy, tỷ lệ nước liên kết trong SIB cao hơn so với kính áp tròng có độ ngậm nước cao mang điện tích âm khác. Do đó, ngay cả khi hàm lượng nước tổng thể bằng với kính áp tròng ion thông thường, SEED 1dayPure moisture được cho là có hiệu quả hơn trong việc ngăn ngừa sự bay hơi của nước.

Hình ảnh nước tự do và nước liên kết

-  **Nước tự do:** Phân tử nước có thể di chuyển trong mạng polymer một cách tự do.
-  **Nước liên kết:** Phân tử nước được gắn kết chặt trong mạng polymer và không thể di chuyển.



■ Khả năng thấm khí Oxy cao

"SEED 1dayPure moisture" có độ ổn định hình thái rất tốt, ngay cả khi có độ ngậm nước cao. Do đó, độ dày của tâm kính là 0,07mm (-3,00D), đây là loại mỏng nhất trong số các loại kính áp tròng có độ ẩm cao dùng một ngày.

Nhờ độ ngậm nước cao và thiết kế kính mỏng, khả năng thấm khí oxy đạt 42,9. Giá trị này đảm bảo khả năng thấm khí oxy đủ, phù hợp cho mắt người.

* Dữ liệu thử nghiệm nội bộ của SEED

Kính áp tròng dùng 2 tuần



SEEDTM 2week PureTM
 シード ツーウィークピュア うるおいプラス



SEEDTM 2week PureTM
 シード ツーウィークピュア うるおいプラス 乱視用



SEEDTM 2week PureTM
 シード ツーウィークピュア マルチステージ Multistage



Đặc tính vật lý của tròng kính

Tên sản phẩm	Kính áp tròng dùng 2 tuần dành cho mắt cận thị hoặc viễn thị	Kính áp tròng dùng 2 tuần dành cho mắt loạn thị	Kính áp tròng dùng 2 tuần dành cho mắt lão thị
			
Chủng loại	SEED 2weekPure UP	SEED 2weekPure UP for Astigmatism	SEED 2weekPure UP Multistage
Cách dùng	Kính áp tròng dùng 2 tuần		
Danh mục FDA	Nhóm IV		
Vật liệu	2-HEMA, monome mang điện tích âm, monome mang điện tích dương, MMA, EGDMA		
Chất tạo màu	Chất màu phthalocyanine		
Màu tròng kính	Màu xanh lam		
Chất hấp thụ tia UV	Benzotriazole		
Độ thấm thấu Oxy	$30.0 \times 10^{-11} (\text{cm}^2/\text{sec}) \cdot (\text{mL O}_2 / (\text{mL} \times \text{mmHg}))$		
Tốc độ truyền dẫn Oxy	$33.3 \times 10^{-9} (\text{cm}/\text{sec}) \cdot (\text{mL O}_2 / (\text{mL} \times \text{mmHg}))$ (S-3.00D)	$23.1 \times 10^{-9} (\text{cm}/\text{sec}) \cdot (\text{mL O}_2 / (\text{mL} \times \text{mmHg}))$ (S-3.00D, C-1.25D, trục 180°)	$33.3 \times 10^{-9} (\text{cm}/\text{sec}) \cdot (\text{mL O}_2 / (\text{mL} \times \text{mmHg}))$ (S-3.00D)
Chỉ số khúc xạ	1.406		
Khả năng truyền sáng	98%		
Độ ngậm nước	58%		
Phương pháp sản xuất	Phương pháp đúc khuôn		

Thông số kỹ thuật tròng kính

Bán kính cong của kính	8.60mm		
Dải độ	+10.00D ~ +5.50D (bước nhảy 0.50D) * +5.00D ~ +0.50D (bước nhảy 0.25D), ±0.00D -0.50D ~ -6.00D (bước nhảy 0.25D) -6.50D ~ -16.00D (bước nhảy 0.50D) -17.00D ~ -24.00D (bước nhảy 1.00D) * * Chỉ đường kính 14.2mm	±0.00D ~ -6.00D (bước nhảy 0.25D) -6.50D ~ -8.00D (bước nhảy 0.50D)	+5.00D ~ +0.50D (bước nhảy 0.25D), ±0.00D -0.50D ~ -6.00D (bước nhảy 0.25D) -6.50D ~ -10.00D (bước nhảy 0.50D)
Độ loạn	—	-0.75D, -1.25D, -1.75D* *Chỉ có trục 180°	—
Trục loạn thị	—	90°, 180°	—
Độ ADD	—	—	Loại [A] +0.75D, loại [B] +1.50D
Đường kính	13.8mm hoặc 14.2mm	14.2mm	
Độ dày trung tâm	0.09mm (S-3.00D)	0.13mm (S-3.00D, C-1.25D, trục 180°)	0.09mm (S-3.00D)
Dấu khắc	In "2Pure" / "860"	In "2PA"	In "2PM"
Quy cách	6 kính/ hộp		